TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 129/2017/QĐST- VHNGĐ	*Vũng Tàu, ngày 10 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 565/2017/TLST/HNGĐ ngày 16-6-2017, giữa:

- Người yêu cầu: Bà Võ Thu H, sinh năm 1979

Địa chỉ nhà đường B, phường R, TP.V, tỉnh B.

- Người yêu cầu: Ông Nguyễn La Tin, sinh năm 1977.

Địa chỉ nhà đường B, phường R, TP.V, tỉnh B.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 và của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30-6-2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30-6-2017 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Võ Thu H và ông Nguyễn La T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]. Về hôn nhân: Công nhận bà Võ Thu H và ông Nguyễn La T thuận tình ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Bà Võ Thu H và ông Nguyễn La T có 02 con chung, gồm: Nguyễn Võ Đông V, sinh ngày 15-11-2010 và Nguyễn Đức H2, sinh ngày 05-10-2015. Vì lợi ích của con và sự thỏa thuận của các đương sự, bà Võ Thu H được quyền trực tiếp

nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Võ Đông V và Nguyễn Đức H2. Ông Nguyễn La T cấp dưỡng 5.000.000 đồng/02 con/tháng tính từ thời điểm Quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu V và cháu H2 đủ 18 tuổi. Ông La T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Tính từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau ly hôn, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

[2.3]. Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân: Bà H, ông La T mỗi người phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006693 và biên lai số 0006692 cùng ngày 15-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Bà H, ông La T đã thực hiện xong nghĩa vụ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND TP.V;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.V;
- UBND thị trấn V, N, K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đoàn Thế Dũng